

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 189/2026/HS-PT

Ngày: 07-09-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Lương Minh Trí.

Các Thẩm phán:

1. Bà Lê Thị Bích Tuyền.

2. Ông Trần Thanh Tòng.

- Thư ký phiên tòa: ông Trần Chính Hào – Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: ông Đỗ Hoàng Phận - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 152/2026/TLPT-HS ngày 03 tháng 8 năm 2026 đối với bị cáo Giáp Huy P do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 137/2026/HS-ST ngày 23 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 11 - Tây Ninh.

Bị cáo kháng cáo: Giáp Huy P, sinh năm 1993; Nơi cư trú: Ấp Đ, xã T, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: Làm rẫy; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Giáp Huy Q, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1972; Vợ là Nguyễn Thị M, sinh năm 1992 và có 02 con chung, lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 02/02/2026 đến nay (có mặt).

Ngoài ra, còn có bị hại và đại diện theo pháp luật của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác nhưng không có kháng cáo, không có liên quan tới kháng cáo nên không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2017, Nguyễn Công T là cán bộ Công an được phân công công tác tại Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về Trật tự quản lý kinh tế và Chức vụ Công an huyện T, tỉnh Tây Ninh. Đội có 01 kho tạm để bảo quản các tang vật trong vụ việc vi phạm hành chính chờ xử lý, kho tạm nên không có quyết định thành lập và

không có quy chế quản lý, kho tạm nằm trong khuôn viên Công an huyện T dùng để chứa các tang vật như: Xe mô tô, pháo, thuốc lá... Do qua nhiều thời kỳ chỉ huy đội nên nhiều tang vật không có hồ sơ giải quyết. Đến ngày 14/6/2024, sau khi sáp nhập các Đội nghiệp vụ, Thành công T1 tại Đội Cảnh sát điều tra tội phạm (CSĐT TP) về hình sự, kinh tế, ma túy Công an huyện T, có chức danh tư pháp là Cán bộ điều tra được phân công thụ lý điều tra án kinh tế, báo cáo định kỳ lĩnh vực kinh tế. Đến tháng 02/2025, thực hiện chủ trương của Bộ C về việc không tổ chức hoạt động Công an cấp huyện kể từ ngày 01/3/2025 nên Ban lãnh đạo Công an huyện T và B Chỉ huy Đội Cảnh sát điều tra tổng hợp về hình sự, kinh tế, ma túy triển khai các quy định và thực hiện theo chỉ đạo Công an tỉnh, tiến hành phân công cán bộ, chiến sĩ sắp xếp, thống kê hồ sơ vụ án, vụ việc, tài sản công và vật chứng để bàn giao các phòng nghiệp vụ Công an tỉnh và Công an cấp xã. Do cần tiền để tiêu xài và lợi dụng lúc Ban lãnh đạo Công an huyện T và B Chỉ huy Đội cảnh sát điều tra tổng hợp không có mặt ở cơ quan, Nguyễn Công T đã bán trộm 27 chiếc xe mô tô nằm trong và trước kho tạm như sau:

Lần thứ nhất: Vào cuối tháng 02/2025, khoảng 13 giờ, Giáp H P sử dụng số điện thoại 0964.545.859 gọi vào số điện thoại 038.459.4944 của T và hỏi “chuẩn bị giải tán Công an huyện có xe nào thanh lý không” T trả lời “có mấy chiếc xe để trước kho lâu năm nè, để em chụp gửi qua Zalo”, T chụp ảnh 03 chiếc xe Suzuki Xipo màu đỏ để trước cửa kho tạm chứa tang vật rồi gửi cho P xem, P hỏi “Ba xe này có vấn đề gì không? Có vụ việc gì không” T trả lời “ba xe này ổn, chờ đi”. P đồng ý mua nhưng chưa thỏa thuận giá tiền mua xe, P nói “khi nào có người mua có giá thì P bán rồi sẽ báo giá tiền xe cho T biết và sẽ trả tiền cho T sau khi bán được xe”. Sau đó, P điện thoại cho Hoàng Công P1 thuê P1 chở xe từ Công an huyện T về nhà P nhưng chưa thỏa thuận giá tiền vận chuyển là bao nhiêu do P1 quen biết với P đã lâu. P1 điều khiển xe ô tô tải biển số 60C-040.38 đi cùng 01 người thanh niên tên T2 (người Campuchia, không rõ nhân thân) đi vào cổng chính của Công an huyện T gặp T. Lúc này, T chỉ cho P1 vị trí để 03 xe mô tô hiệu Suzuki Xipo màu đỏ dựng phía trước kho tạm giữ vật chứng, P1 và T2 đến chất 03 xe mô tô Suzuki Xipo màu đỏ lên xe ô tô tải rồi chở về nhà P thuộc ấp Đ, xã T, tỉnh Tây Ninh. Qua ngày hôm sau, P gọi Z cho T nói 03 chiếc xe Suzuki Xipo màu đỏ đã bị mục nát, máy hư, chỉ bán phế liệu với giá 6.000.000 đồng/03 chiếc xe thì T đồng ý nhưng P chưa trả tiền cho T.

Lần thứ hai: Vào khoảng 16 giờ ngày 04/3/2025, T dùng Z gọi cho Lê Thành L nói “có 19 chiếc xe mô tô cũ bán phế liệu, sáng mai lên xem giúp anh” thì L đồng ý. Đến khoảng 07 giờ sáng ngày 05/3/2025, L điều khiển xe mô tô đến Công an huyện T gặp T. Lúc này, T dẫn L đến trước kho tạm chứa vật chứng rồi dùng chìa khóa mở cửa kho tạm và dẫn L vào trong kho xem 19 xe mô tô các loại, xe không có giấy tờ. Do xe mô tô đã rỉ sét, không còn sử dụng được nên L thỏa thuận mua 19 xe mô tô cũ với giá 400.000 đồng/01 chiếc xe thì T đồng ý. L mua xe mô tô của T không lập hợp đồng mua bán và không làm thủ tục bán đấu giá. Sau đó, L trả số tiền mua xe của T là 7.600.000 đồng rồi thuê xe tải đến Công an huyện T chở 19 xe mô tô các loại trong kho tạm về cửa hàng mua bán xe của L ở xã T.

Lần thứ ba: Khoảng 09 giờ ngày 05/3/2025, P gọi Z cho T hỏi “Còn chiếc nào không” thì T trả lời “Có mấy chiếc nữa anh xem chờ đi”. Đến khoảng 13 giờ ngày 05-3-2025, P thuê P1 chạy xe ô tô tải biển số 60C-040.38 đến Công an huyện T để chở xe mô tô nhưng Phước bận công việc nên P mượn xe ô tô tải của P1 chạy đến Công an huyện T gặp T dẫn vào chỉ chỗ để 04 xe mô tô dựng trước kho tạm của Đ thì P xem xe và hỏi “mấy xe này có dính vụ việc gì không” T trả lời “mấy xe này để lâu rồi, trên xe không ghi gì, chắc xe không dính vụ việc gì” P đưa 04 xe gồm: 01 xe mô tô hiệu Suzuki Suxipo màu xanh; 01 xe mô tô hiệu Vison màu trắng biển số 59D3-139.09; 01 xe mô tô hiệu Raider màu xanh đen biển số 93F1-566.30; 01 xe mô tô hiệu Exciter biển số 93C1-391.90. Sau khi chất 04 xe mô tô lên xe ô tô tải thì P rời đi nhưng chưa nói giá và chưa trả tiền cho T. Chiều ngày 05/3/2025, ông Nguyễn Duy T3 (Điều tra viên) gọi điện cho T hỏi “em có lấy nhầm chiếc xe Exciter biển số 93C1-391.90 không”, thì T trả lời “để em đem về trả lại chỗ cũ cho anh”. Đến trưa ngày 06/3/2025, T gọi điện P đem chiếc xe Exciter biển số 93C1-391.90 về trả lại chỗ cũ. Sau đó, P thuê P1 chạy xe tải chở xe Exciter biển số 93C1-391.90 đến Công an huyện T trả lại và T lấy xe Exciter trên trả cho anh T3.

Lần thứ tư: Vào khoảng 07 giờ ngày 07/3/2025, P và P1 đi xe ô tô tải biển số 60C-040.38 đến Công an huyện T để chở tủ, bàn ghế cho Công an xã T thì gặp T tại cơ quan. Sau khi chất đồ xong, P hỏi T “Còn chiếc nào nữa không”, T trả lời “còn chiếc xe Sirius màu đen bạc để trước phòng kho” và chỉ P chiếc xe hiệu Sirius biển số 70L7-7356. P đẩy chiếc xe mô tô trên lên xe ô tô tải của P1 chở đi nhưng chưa nói giá và chưa trả tiền cho T.

Vào buổi trưa ngày 08/3/2025, P đến gặp T tại Công an xã T, P đưa cho T tiền bán xe và nói bán 03 chiếc xe Suzuki Xipo màu đỏ được 6.000.000 đồng, bán 01 chiếc Sirius màu đen bạc được 11.000.000 đồng, tất cả được 17.000.000 đồng, P đưa cho T 14.000.000 đồng, còn 3.000.000 đồng P nói bồi dưỡng tiền công và mua nước cho anh em khiêng xe thì T đồng ý. Còn 04 chiếc xe mô tô còn lại P chưa bán được nên chưa đưa tiền cho T.

Vào khoảng 13 giờ ngày 08/3/2025, ông Nguyễn Nga H1 (Điều tra viên) phát hiện mất 01 xe mô tô hiệu Raider màu xanh đen biển số 93F1-566.30. Sau đó, H1 xác minh sự việc và biết được T có kêu xe tải vào cơ quan chở các xe mô tô trước kho tạm ra khỏi đơn vị nên H1 gọi Z cho T và yêu cầu T trả lại xe mô tô hiệu Raider màu xanh đen biển số 93F1-566.30 thì T đồng ý trả, T gọi điện cho P phải thu hồi xe trên về. Đến 17 giờ cùng ngày, P thuê P1 chạy xe tải chở xe mô tô trên đến Công an xã T trả lại cho T. Sau đó, T trả xe mô tô biển số 93F1-566.30 cho H1 tại Công an xã T.

Đến ngày 12/3/2025, Ban lãnh đạo Công an huyện T (cũ) và B Chỉ huy Đội yêu cầu T giải trình việc bán các xe mô tô là vật chứng trong vụ việc hành chính và vụ án thì T thừa nhận toàn bộ hành vi của mình. Sau đó, T điện thoại cho P và L yêu cầu thu hồi các xe đã bán. Đến ngày 13/3/2025, P chở 06 chiếc xe mô tô do T đã bán trước đó, đến trụ sở Công an huyện T trả lại vị trí cũ, T trả lại số tiền bán xe cho P 14.000.000 đồng. Cùng lúc này, L thuê xe tải chở 19 xe mô tô do T đã bán trước đó, đến trụ sở Công an huyện T trả lại vị trí cũ và T trả lại tiền bán xe cho L số tiền 7.600.000 đồng.

Kết luận định giá tài sản số 3959/KL-HĐĐG ngày 26-9-2025 của Hội đồng định giá thường xuyên trong tố tụng hình sự, kết luận: Tổng giá trị 27 xe mô tô cần định giá là 68.401.834 đồng.

Vật chứng còn tạm giữ: 01 (một) điện thoại di động iPhone 12 Pro Max, màu xanh, số IMEI: 354860893093210; 01 (một) điện thoại di động iPhone 11 Pro Max, màu xám đen, số IMEI: 353900100993207; 01 (một) điện thoại di động Vivo V21, màu tím, số IMEI: 868163057899970; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Sport, màu xanh, biển số: 51L6-1939, số khung: ERU120UA-27395, số máy: F121-127395, không xác định năm sản xuất, không xác định nước sản xuất, không có giấy tờ, tình trạng: còn sử dụng, cân nặng: 90kg, trong đó nhựa: 06kg, sắt: 84kg; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu trắng, biển số: 59D3-139.08, số khung: RLHJF5816GY142197, số máy: JF66E-0142214, không xác định năm sản xuất, không xác định nước sản xuất, không có giấy tờ, tình trạng: còn sử dụng, cân nặng: 90kg, trong đó nhựa: 07kg, sắt: 83kg; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Sport, màu đỏ, biển số: không có, số khung: RU120U-A30059, số máy: F124-130059, không xác định năm sản xuất, không xác định nước sản xuất, không có giấy tờ, tình trạng: còn sử dụng, cân nặng: 94kg, trong đó nhựa: 06kg, sắt: 88kg; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Sport, màu đỏ, biển số: không có, số khung: PMSRU120U2YA40203, số máy: F124-0203, không xác định năm sản xuất, không xác định nước sản xuất, không có giấy tờ, tình trạng: còn sử dụng, cân nặng: 96kg, trong đó nhựa: 06kg, sắt: 90kg; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Sport, màu đỏ, biển số: 62B1-081.80, số khung: PMSRU120U0XA08258, số máy: F124-108259, không xác định năm sản xuất, không xác định nước sản xuất, không có giấy tờ, tình trạng: còn sử dụng, cân nặng: 92kg, trong đó nhựa: 06kg, sắt: 86kg; 01 (một) xe mô tô Max (không rõ nhãn hiệu), màu hồng, biển số: 70H4-6121, số khung: RNGKC01NG81012482, số máy: VZS150FMG030482, không xác định năm sản xuất, không xác định nước sản xuất, không có giấy tờ, tình trạng: đã qua sử dụng, cân nặng: 85kg, trong đó nhựa: 04kg, sắt: 81kg; 01 (một) xe mô tô Cub (không rõ nhãn hiệu), biển số: 70F9-7309, số khung: C70-8011288, số máy: C70E-8010884, không xác định năm sản xuất, không xác định nước sản xuất, không có giấy tờ, tình trạng: bị hư hỏng không còn sử dụng được, cân nặng: 70kg, trong đó nhựa: 03kg, sắt: 67kg; 01 (một) xe mô tô Dream lùn (không rõ nhãn hiệu), biển số: không có, số khung: không rõ, số máy: 1P50FMG-10377330, không xác định năm sản xuất, không xác định nước sản xuất, không có giấy tờ, tình trạng: bị hư hỏng không còn sử dụng được, cân nặng: 80kg, trong đó nhựa: 05kg, sắt: 75kg; 01 (một) xe mô tô Cub (không rõ nhãn hiệu), biển số: 50CA-2820, số khung: không rõ, số máy: không rõ, không xác định năm sản xuất, không xác định nước sản xuất, không có giấy tờ, tình trạng: bị hư hỏng không còn sử dụng được, cân nặng: 66kg, trong đó nhựa: 03kg, sắt: 63kg; 01 (một) xe mô tô Max (không rõ nhãn hiệu), màu đỏ, biển số: 70L4-9915, số khung: không rõ, số máy: AN090GEA1514, không xác định năm sản xuất, không xác định nước sản xuất, không có giấy tờ, tình trạng: còn sử dụng, cân nặng: 82kg, trong đó nhựa: 05kg, sắt: 77kg; 01 (một) xe mô tô Cub (không rõ nhãn hiệu), biển số: không có, số khung: không có, số máy: 000680, không xác định năm sản xuất, không xác định nước sản xuất, không có giấy tờ,

tình trạng: bị hư hỏng không còn sử dụng được, cân nặng: 72kg, trong đó nhựa: 03kg, sắt: 69kg; 01 (một) xe mô tô không rõ nhãn hiệu, biển số: không có, số khung: không rõ, số máy: không rõ, không xác định năm sản xuất, không xác định nước sản xuất, không có giấy tờ, tình trạng: bị hư hỏng không còn sử dụng được, cân nặng: 76kg, trong đó nhựa: 03kg, sắt: 73kg; 01 (một) xe mô tô Cub (không rõ nhãn hiệu), biển số: 70L2-2435, số khung: không rõ, số máy: không rõ, không xác định năm sản xuất, không xác định nước sản xuất, không có giấy tờ, tình trạng: bị hư hỏng không còn sử dụng được, cân nặng: 66kg, trong đó nhựa: 03kg, sắt: 63kg; 01 (một) xe mô tô 67 (không rõ nhãn hiệu), biển số: 70L-4345, số khung: CD501134564, số máy: CD60E112, không xác định năm sản xuất, không xác định nước sản xuất, không có giấy tờ, tình trạng: bị hư hỏng không còn sử dụng được, cân nặng: 66kg, trong đó nhựa: 02kg, sắt: 64kg; 01 (một) xe mô tô Cub (không rõ nhãn hiệu), biển số: 70F9-2624, số khung: 70038195, số máy: 3883W, không xác định năm sản xuất, không xác định nước sản xuất, không có giấy tờ, tình trạng: bị hư hỏng không còn sử dụng được, cân nặng: 68kg, trong đó nhựa: 03kg, sắt: 65kg; 01 (một) xe mô tô Cub (không rõ nhãn hiệu), biển số: 70B1-06842, số khung: không rõ, số máy: không rõ, không xác định năm sản xuất, không xác định nước sản xuất, không có giấy tờ, tình trạng: bị hư hỏng không còn sử dụng được, cân nặng: 68kg, trong đó nhựa: 03kg, sắt: 65kg; 01 (một) xe mô tô Cub (không rõ nhãn hiệu), biển số: không có, số khung: không rõ, số máy: DH88-E121698, không xác định năm sản xuất, không xác định nước sản xuất, không có giấy tờ, tình trạng: bị hư hỏng không còn sử dụng được, cân nặng: 72kg, trong đó nhựa: 03kg, sắt: 69kg; 01 (một) xe mô tô không rõ nhãn hiệu, biển số: không có, số khung: không rõ, số máy: CT100E1345371, không xác định năm sản xuất, không xác định nước sản xuất, không có giấy tờ, tình trạng: bị hư hỏng không còn sử dụng được, cân nặng: 75kg, trong đó nhựa: 02kg, sắt: 73kg; 01 (một) xe mô tô Cub (không rõ nhãn hiệu), biển số: không có, số khung: không rõ, số máy: không rõ, không xác định năm sản xuất, không xác định nước sản xuất, không có giấy tờ, tình trạng: bị hư hỏng không còn sử dụng được, cân nặng: 93kg, trong đó nhựa: 04kg, sắt: 89kg; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại: 67, biển số: không có, số khung: không rõ, số máy: không rõ, không xác định năm sản xuất, không xác định nước sản xuất, không có giấy tờ, tình trạng: bị hư hỏng không còn sử dụng được, cân nặng: 65kg, trong đó nhựa: 02kg, sắt: 63kg; 01 (một) xe mô tô Cub (không rõ nhãn hiệu), biển số: 70H4-3639, số khung: C50-6121865, số máy: C50E-6121585, không xác định năm sản xuất, không xác định nước sản xuất, không có giấy tờ, tình trạng: bị hư hỏng không còn sử dụng được, cân nặng: 73kg, trong đó nhựa: 03kg, sắt: 70kg; 01 (một) xe mô tô Cub (không rõ nhãn hiệu), biển số: 70S1-2893, số khung: không rõ, số máy: 20615, không xác định năm sản xuất, không xác định nước sản xuất, không có giấy tờ, tình trạng: bị hư hỏng không còn sử dụng được, cân nặng: 71kg, trong đó nhựa: 03kg, sắt: 68kg; 01 (một) xe mô tô Cub (không rõ nhãn hiệu), biển số: 70K3-4453, số khung: không rõ, số máy: không rõ, không xác định năm sản xuất, không xác định nước sản xuất, không có giấy tờ, tình trạng: còn sử dụng, cân nặng: 75kg, trong đó nhựa: 03kg, sắt: 72kg; 01 (một) xe mô tô Dream (không rõ nhãn hiệu), biển số: 70L4-3491, số khung: không rõ, số máy: không rõ, không xác định

năm sản xuất, không xác định nước sản xuất, không có giấy tờ, tình trạng: bị hư hỏng không còn sử dụng được, cân nặng: 81kg, trong đó nhựa: 4kg, sắt: 77kg; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu: Yamaha, số loại: Sirius, biển số: 70L7-7356, số khung: không rõ, số máy: không rõ, không xác định năm sản xuất, không xác định nước sản xuất, không có giấy tờ, tình trạng: còn sử dụng, cân nặng: 89kg, trong đó nhựa: 05kg, sắt: 84kg.

Về trách nhiệm dân sự: Công an tỉnh T không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm.

Cáo trạng số: 125/CT-VKSKV11 ngày 06-4-2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh đã truy tố các bị cáo Nguyễn Công T và Giáp Huy P về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự và truy tố bị cáo Lê Thành L về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 137/2026/HS-ST ngày 23 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh đã xử:

Căn cứ điểm c, khoản 2 Điều 173; điểm b, r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 38; Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Giáp Huy P 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo Giáp Huy P đi chấp hành án.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, về xử lý vật chứng, về án phí, quyền và thời hạn kháng cáo đối với những người tham gia tố tụng.

Ngày 28/6/2026 bị cáo Giáp Huy P kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xét xử theo hướng giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Bị cáo kháng cáo trong thời hạn luật định nên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh thụ lý xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm là có căn cứ.

Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo, tuy nhiên, ở cấp phúc thẩm không bổ sung chứng cứ nào mới, bị cáo không đủ điều kiện cho hưởng án treo theo hướng dẫn tại Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 và Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo P, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 137/2026/HS-ST ngày 23 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh.

Bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo kháng cáo trong thời hạn luật định, nội dung kháng cáo phù hợp quy định 332, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, nên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh thụ lý xét xử theo trình tự phúc thẩm là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Giáp Huy P xác nhận trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử vụ án tại cấp sơ thẩm, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm. Do đó các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] Từ cuối tháng 02/2025 đến ngày 07/3/2025, tại trụ sở Công an huyện T, tỉnh Tây Ninh nay là trụ sở Công an xã T, tỉnh Tây Ninh, Nguyễn Công T nguyên là cán bộ điều tra công tác tại Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về hình sự, kinh tế, ma túy thuộc Công an huyện T, lợi dụng lúc Ban lãnh đạo Công an huyện T và B Chỉ huy Đội Cảnh sát điều tra tổng hợp không có mặt tại cơ quan, T 04 lần thực hiện hành vi bán trộm 27 xe mô tô là vật chứng trong các vụ việc hành chính và vụ án hình sự tại kho tạm của đội, tài sản bị chiếm đoạt trị giá 68.401.834 đồng. Trong đó, Giáp H Phong 03 lần giúp sức cho T bán 08 xe mô tô, trị giá 59.327.154 đồng. T 01 lần bán 19 xe mô tô cho Lê Thành L, không lập hợp đồng và không làm thủ tục bán đấu giá, trị giá 9.074.680 đồng để tiêu thụ tài sản do T phạm tội mà có thì bị phát hiện.

Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Nguyễn Công T và Giáp Huy P phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm c, khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; bị cáo Lê Thành L phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật và không oan.

[3] Khi quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào tính chất, mức độ hậu quả do hành vi phạm tội của từng bị cáo gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Nguyễn Công T, Giáp Huy P và Lê Thành L thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội gây ra. Nguyễn Công T và Giáp Huy P tự nguyện khai ra những lần phạm tội trước đó. Lê Thành L phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Nguyễn Công T được tặng nhiều bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T, có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và được Giám đốc Công an tỉnh T tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở năm 2024 và có cha ruột là ông Nguyễn Văn N được Chủ tịch nước tặng Huy chương Chiến sĩ vẻ vang hạng Nhất và Huy chương Vì an ninh Tổ quốc là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, r, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Bị cáo T và bị cáo P có tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52; Đồng thời tòa án sơ thẩm áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự tuyên phạt bị cáo P 09 tháng tù là đúng quy định của pháp luật.

[4] Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo, có bổ sung tình tiết bị cáo được Ủy ban nhân dân xã T tặng giấy khen do có trao học bổng cho học sinh nghèo có hoàn cảnh khó khăn. Tuy nhiên, mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm

tuyên phạt đối với bị cáo 09 tháng tù là tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra. Nên không có căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đồng thời bị cáo phạm tội nhiều lần nên không đủ điều kiện cho hưởng án treo theo hướng dẫn tại Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 và Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo P. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 137/2026/HS-ST ngày 23 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 135 và 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Giáp Huy P phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2021 và 2025).

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Giáp Huy P.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 137/2026/HS-ST ngày 23 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh.

2. Tuyên bố: Bị cáo Giáp Huy P phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 38; Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Giáp Huy P 09 (chín) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng Điều 135 và 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Giáp Huy P phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn) đồng, án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND khu vực 11 – Tây Ninh;
- VKSND khu vực 11 – Tây Ninh;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 – Tây Ninh;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Lương Minh Trí

